

Bản án số: 1211/2016/HSPT

Ngày: 19-12-2016

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Ánh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Bích Ngân và bà Đặng Thị Thanh Huyền

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà
Nguyễn Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1191/2016/HSPT ngày 01/12/2016 đối với bị cáo Kiều Quang Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 45/2016/HSST ngày 26/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

KIỀU QUANG Đ, sinh 1992. ĐKHKT và nơi ở: thôn H, xã Y, huyện Q, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/12; con ông Kiều Văn C và bà Nghiêm Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: ngày 17/4/2015 bị Công an huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Danh chỉ bản số 000000154 lập ngày 11/8/2016 tại Công an huyện Q, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra còn có bị cáo Kiều Văn Đ1 không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q và bản án hình S sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q thì nội dung vụ án và hành vi của Kiều Văn Đ được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 02/12/2015, Kiều Văn Đ1 đi đám cưới tại nhà anh Phạm Văn S ở cùng thôn. Trên đường đi, Đ1 nhìn thấy 01 chiếc xe máy Wave màu xanh, BKS 29L1-13447 của chị Vương Thị V đi dự đám cưới và dừng trước cổng nhà anh S, Đ1 nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Lợi dụng lúc mọi người ngồi trong rạp đám cưới không để ý, Đ1 lén lút dùng chìa khóa chiếc xe máy có sẵn trong người cắm vào ổ khóa điện, mở được khóa điện chiếc xe. Đ1 đi xe đến khu vực vòng xuyên ở Xuân Mai thì dừng lại và vào một quán sửa xe ở ven đường mượn cờ lê tháo bỏ biển kiểm soát cất vào cốp xe. Kiểm tra bên trong cốp xe, Đ1 thấy có 1 đăng ký xe mang tên Vương Thị V, 01 chìa khóa xe máy, 01 giấy chứng minh thư nhân dân của chị V và 01 áo mưa, Đ1 đi xe về nhà rồi mang xe của chị V đến gửi tại nhà cô ruột Đ1 là Kiều Thị D ở thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ1 gọi cho Kiều Quang Đ nói cho Đ biết việc Đ1 trộm cắp được chiếc xe máy và rủ Đ mang đi cầm cố, Đ đồng ý. Đ1 nhờ anh rể là Kiều Văn B chở Đ1 và Đ lên nhà chị D, Đ1 vào nhà chị D lấy chiếc xe máy đã trộm cắp chở Đ ngồi phía sau, trên đường mang xe đi cầm cố Đ1 có nói cho Đ biết chiếc xe Đ1 và Đ đang đi là xe trộm cắp mà có, Đ bảo Đ1 đem về sân bóng để trả người ta, Đ1 không nghe và bảo Đ đi cầm cố lấy tiền ăn chơi, Đ nghe vậy không nói gì và cùng Đ1 mang chiếc xe máy trộm cắp được đến cửa hàng cầm đồ ở số 165 phố Xóm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cầm cố với giá 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đức H1. Số tiền trên, Đ1 và Đ đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 25/12/2015, Đ1 rủ Nguyễn Văn T1 ở cùng thôn đến cửa hàng cầm đồ bán chiếc xe trên cho anh H1 với giá 12.800.000 đồng. Sau khi mua chiếc xe máy trên của Đ1, anh H1 bán cho anh Đàm Văn H2, chiếc xe đã được thu hồi trả người bị hại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 11/01/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q kết luận: giá trị xe máy Wave anpha màu xanh BKS 29L1-13447, số khung 194302, số máy 2994318 là 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2016/HSST ngày 26/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Kiều Quang Đ phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình

sự, xử phạt bị cáo Kiều Quang Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Kiều Văn Đ1 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2016, bị cáo Kiều Quang Đ kháng cáo cho rằng sau khi bán xe Đ1 mới cho Đ biết Đ1 đã trộm cắp chiếc xe, bị cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo khai khi đi gần đến nơi cầm cố chiếc xe máy Đ1 trộm cắp thì Đ1 mới nói cho bị cáo biết là chiếc xe trộm cắp nhưng do nhà quá xa bị cáo không tự quay về được, chiếc xe do Đ1 cầm cố và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức. Xét nội dung kháng cáo thấy rằng bị cáo Đ biết rõ chiếc xe do Đ1 trộm cắp được nhưng Đ vẫn cùng Đ1 đi tiêu thụ và cùng ăn tiêu số tiền cầm cố xe. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Kiều Văn Đ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Về nhân thân, bị cáo Đ có 01 tiền sự trong thời hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, Cơ quan điều tra phải truy nã, xét không đủ điều kiện để cho bị cáo hưởng án treo, ở cấp phúc thẩm không có tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo,

XÉT THẤY:

Trong đơn kháng cáo, bị cáo Kiều Quang Đ kháng cáo cho rằng sau khi bán xe Đ1 mới cho Đ biết Đ1 đã trộm cắp chiếc xe nhưng tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo khai khi đi gần đến nơi cầm cố chiếc xe máy Đ1 trộm cắp thì Đ1 mới nói cho bị cáo biết là chiếc xe trộm cắp nhưng do nhà quá xa bị cáo không tự quay về được. Trong khi đó, bị cáo khai tại Cơ quan điều tra khi Đ1 lấy xe ra công, Đ1 có nói với Đ chiếc xe do trộm cắp được, đi ra Hà Đông cầm cố lấy tiền tiêu sài, Đ đồng ý đi cầm cố xe với Đ1 và cùng tiêu sài số tiền có được từ việc cầm cố xe; Đ đi cầm cố xe cùng Đ1 là vì Đ muốn có tiền tiêu sài (BL154 đến 161; 165 đến 172). Trong các bản tự khai Đ cũng khai phù hợp với các biên bản hỏi cung (BL174 đến 181). Kiều Văn Đ1 khai

Đ1 đã nói cho Đ biết chiếc xe do Đ1 trộm cắp và rủ Đ đi cầm cố lấy tiền cùng nhau tiêu sài, ăn uống, chơi điện tử bắn cá, Đ không nói gì và đi cùng Đ1 (BL71 đến 86; 92 đến 105); tại BL95 Đ1 khai Đ1 và Đ bàn nhau mang xe đi cầm cố lấy tiền. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận Đ biết rõ chiếc xe máy do Đ1 trộm cắp được nhưng đã tự nguyện cùng Đ1 đi cầm cố vay tiền để ăn tiêu chung. Chiếc xe có giá trị 11.000.000 (mười một triệu) đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xem xét kháng cáo của bị cáo Kiều Quang Đ thấy rằng khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền cho anh H1 để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Về nhân thân, ngày 17/4/2015 bị cáo bị Công an huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, phạt 750.000 đồng, bị cáo chưa nộp tiền phạt (BL87, 68), xác định là tiền sự của bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Song thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, không đủ điều kiện để hưởng án treo nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Quang Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể:

Áp dụng khoản 1 Điều 250 ; điểm b, h, p, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Kiều Quang Đ 06 (sáu) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án

phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Kiều Quang Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/12/2016.

Nơi nhận:

- Công an huyện Q;
- VKSND huyện Q;
- TAND huyện Q;
- Thi hành án dân sự huyện Q;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Ánh